

Bản án số: 48/2019/HS-ST

Ngày: 12/6/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Nguyễn Văn Vương**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Lê Văn Độ**

Ông Nông Văn Đạo

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đào Thị Tường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:***

Ông Nguyễn Xuân Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019 tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 49/2019/TLST-HS ngày 09/5/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2019/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo có lý lịch sau đây:

1. Họ và tên: **Đinh Thị M**, sinh ngày: 23/01/1991; Nơi ĐKNKTT: thành phố M C, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Bá T và bà Phạm Thị M1; chồng: Nguyễn Đình T; có 2 con, lớn sinh năm 2011, bé sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Chưa; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 31/01/2019 đến ngày 30/4/2019, hiện tại ngoại, có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Đình T**, sinh ngày: 20/04/1982; Nơi ĐKNKTT: thành phố M C, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình T1 và bà Nguyễn Thị D; vợ: Đinh Thị M; có 2 con, lớn sinh năm 2011, bé sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Chưa; bị giữ khẩn cấp và bị bắt ngày 26/01/2019, được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp: “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 31/01/2019 đến ngày 30/4/2019, hiện tại ngoại, có mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị Hoàng Thị H, sinh năm 2000, trú tại thôn L Th, xã L Tr, huyện B T, tỉnh Q B, vắng mặt không có lý do.

2. Anh Trần Văn L, sinh năm 1973, trú tại thôn H A, xã Q A, huyện Đ H, tỉnh Q N, vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ ngày 22/01/2019, tại Cửa khẩu Quốc tế Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Trạm Biên phòng Đông Hưng, Trung Quốc trao trả cho Đồn Biên Phòng Cửa khẩu Quốc tế Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh 3 công dân Việt Nam, nhập cảnh trái phép vào Trung Quốc gồm: Hoàng Thị H sinh năm 2000, trú tại: Xã Liên Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình; Trần Văn L, sinh năm 1973, trú tại: Xã Quảng An, huyện Đàm Hà, tỉnh Quảng Ninh; Cao Thị Kim C, sinh năm 1986, trú tại: Xã Hòa Hợp, huyện Minh Hòa, tỉnh Quảng Bình. Sau khi được tiếp nhận trở về, H và L làm đơn tố giác được vợ chồng T, M người Móng Cái; Cao Thị Kim C tố giác đối tượng Tuấn thu tiền tổ chức vượt biên trái phép từ Việt Nam sang Trung Quốc.

Quá trình điều tra, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh đã xác định được hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án như sau:

Đầu tháng 11 năm 2018, trong khi bán hàng lưu niệm cho khách du lịch tại Cửa khẩu Đông Hưng, Trung Quốc, Đinh Thị M quen người đàn ông Trung Quốc tên là A Vĩnh và được A Vĩnh đặt vấn đề tìm người Việt Nam có nhu cầu sang Trung Quốc lao động để thu tiền dịch vụ, đồng ý. A Vĩnh thống nhất với M thu tiền từ 1.050NDT đến 1.100NDT/1 người, M được hưởng 130NDT/1 người. M có trách nhiệm tìm nguồn khách và đưa họ qua biên giới để A Vĩnh đón rồi đưa vào nội địa Trung Quốc để tìm việc làm. M bàn với chồng là Nguyễn Đình T về việc tìm người đưa người sang Trung Quốc để lao động, T nhất trí. Khoảng cuối tháng 11 năm 2018, M nhận được điện thoại của Hoàng Thị H đặt vấn đề nhờ M đưa H và bạn của H là Nguyễn Văn Kh sang Trung Quốc tìm việc làm, M đồng ý và thống nhất thu của H và Kh mỗi người 1.050NDT, hẹn đến ngày 25/11/2018 M sẽ bố trí cho H, Kh xuất cảnh sang Trung Quốc. Ngày 24/11/2018, trong khi đang chờ khách đi taxi tại bến xe Móng Cái thì T gặp Trần Văn L và Th (không rõ địa chỉ) có nhu cầu sang Trung Quốc tìm việc làm, T thỏa thuận giá 1.100NDT/1 người và thống nhất thời gian đi vào ngày hôm sau.

Sáng ngày 25/11/2018, tại quán nước ở bến xe khách Móng Cái, M thu 2.100NDT của Kh và H; T thu 2.200NDT của L và Th. T dùng xe ô tô chở 4 người trên đến khu vực đường biên giới thuộc bản Vắn Tộc, xã Quảng Đức, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh. Chờ đến khi vắng người, T đưa 4 người trên lội qua suối sang Trung Quốc. Trước đó, T đã chụp ảnh của từng người gửi cho A Vĩnh để nhận dạng và đón 4 người trên. Sau khi sang biên giới Trung Quốc, H, Kh, L, Th được người Trung Quốc đón và đưa bằng xe ô tô thì bị Cơ quan chức năng Trung Quốc kiểm tra bắt giữ (Bút lục: 94-186). Số tiền thu được của 4 người là 4.300 NDT, M đã chuyển

tiền cho A Vĩnh và được A Vĩnh chia cho 520 NDT (tương đương 1.612.000đ) M đã tự nguyện nộp lại cho Cơ quan điều tra.

Hoàng Thị H và Trần Văn L còn khai: Trong thời gian bị bắt giữ tại Trung Quốc đến khi được trao trả về Việt Nam không được gặp lại Kh và Th, nên không biết Kh và Th hiện đang ở đâu. Cơ quan điều tra xác định Kh là người đi cùng với H hiện không có mặt tại địa phương, người có tên T đi cùng với L không rõ địa chỉ.

Tại bản Cáo trạng số 57/CT-VKSQN ngày 08/5/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố các bị cáo M và T về tội: “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”, quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Diễn biến tại phiên tòa:

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi như nội dung bản Cáo trạng đã quy kết cụ thể:

Bị cáo M khai nhận: Bị cáo là người bán hàng ở khu vực cửa khẩu biên giới, biết rõ việc đưa đón khách xuất nhập cảnh trái phép qua biên giới là vi phạm pháp luật song vì mục đích vụ lợi, bị cáo đã tìm kiếm người có nhu cầu sang Trung Quốc lao động; sau đó giao cho chồng là Nguyễn Đình T đưa họ xuất cảnh trái phép qua biên giới giao cho A Vĩnh (là đối tượng nhận người bên Trung Quốc). Trong vụ án này, bị cáo đã cùng T nhận tiền của 4 khách (trong đó trực tiếp liên hệ thu gom được 2 khách là H và Kh), sau đó giao cho T để T đưa khách lên khu vực biên giới xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc.

Bị cáo T khai nhận: Bị cáo là lái xe taxi ở địa bàn biên giới, biết rõ việc đưa đón khách xuất nhập cảnh trái phép qua biên giới là vi phạm pháp luật song vì mục đích vụ lợi, bị cáo cùng vợ là Đình Thị M tự liên hệ thu gom khách để đưa họ xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc tìm kiếm việc làm. Trong vụ án này, bị cáo là người trực tiếp lái xe đưa 4 khách đến khu vực biên giới thuộc bản Vắn Tộc, xã Quảng Đức, huyện Hải Hà; sau đó dẫn số khách này xuống đường biên giới để họ xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, để thu số tiền số tiền 4.300 NDT.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị H và Trần Văn L tuy vắng mặt tại phiên tòa song có lời khai trong hồ sơ như nội dung cáo trạng đồng thời còn khai: Trong thời gian bị bắt giữ tại Trung Quốc đến khi được trao trả về Việt Nam không được gặp lại Kh và Th, nên không biết Kh và Th hiện đang ở đâu. Cơ quan điều tra xác định Kh là người đi cùng với H hiện không có mặt tại địa phương, người có tên Th đi cùng với L không rõ địa chỉ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phạt:

Bị cáo Đình Thị M từ 24 đến 30 tháng tù, cho hưởng án treo; bị cáo Nguyễn Đình T từ 18 đến 24 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách theo luật định. Đồng thời, đề nghị hai bị cáo phải nộp lại toàn bộ số tiền đã thu của những người

xuất cảnh trái phép là 12.718.000đ trừ đi 1.612.000đ (đã nộp) để sung ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo không tranh luận, nhận thấy luận tội của đại diện Viện kiểm sát là đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, về số tiền thu được, các bị cáo đã đưa cho A Vĩnh và đã trả anh Th toàn bộ số tiền đã nhận, nên đề nghị chỉ phải nộp 1.612.000đ đã thu được.

Nói lời sau cùng: Các bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội và xin được hưởng án treo để có điều kiện ổn định cuộc sống gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, hai bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình; lời khai của các bị cáo phù hợp lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh; phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa như Bản ảnh hiện trường, Bản ảnh nhận dạng ... Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Trong ngày 25/11/2018, tại khu vực đường biên giới thuộc bản Vắn Tốc, xã Quảng Đức, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh, Đinh Thị M và Nguyễn Đình T đã có hành vi tổ chức cho 4 người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã cấu thành tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số 57/CT-VKSQN ngày 08/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh truy tố đối với các bị cáo là phù hợp, có căn cứ pháp luật.

“Điều 348. *Tội tổ chức, môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép*

1. Người nào vì vụ lợi mà tổ chức hoặc môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.”

Đối với đối tượng Tuấn: Theo đơn tố giác của C, Tuấn đã thu của 600.000đ (VNĐ) tổ chức cho C xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc; do C không rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể của Tuấn, nên Cơ quan điều tra không điều tra, xác minh làm rõ được.

Đối với đối tượng A Vĩnh là người Trung Quốc, cùng M tổ chức cho H, L, Kh, Th xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, quá trình điều tra không xác định được nên không đề cập xử lý.

[3] Đánh giá tính chất của vụ án,

Xét tính chất vụ án: Hành vi mà các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động quản lý xuất cảnh, nhập cảnh của cơ quan có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và tình hình an ninh biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc.

[4] Vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt bổ sung:

Về vai trò: Bị cáo M và T cùng nhau cố ý thực hiện tội phạm tổ chức đưa người sang Trung Quốc trái phép để kiếm lời, thuộc trường hợp đồng phạm. Trong đó, T và M tự liên hệ thu gom khách rồi bàn bạc để thu tiền của khách. Sau đó M liên hệ với đối tượng bên Trung Quốc để nhận người, còn T có nhiệm vụ chở khách đến đường biên giới để họ xuất cảnh trái phép. Do đó, các bị cáo có vai trò ngang nhau.

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Cả hai bị cáo đều có thái độ hợp tác tốt với các cơ quan tiến hành tố tụng; tự nguyện nộp số tiền phạm tội mà có; hoàn cảnh gia đình của các bị cáo khó khăn: 2 bị cáo là vợ chồng, không có việc làm và thu nhập ổn định, có 02 con nhỏ đang tuổi ăn học (cháu Nguyễn Đình Ng, sinh năm 2011 bị bệnh tim bẩm sinh, thường xuyên phải điều trị). Bố đẻ của bị cáo Nguyễn Đình T là ông Nguyễn Đình T1 tham gia chiến đấu tại chiến trường Lào – Cam Pu Chia. Do đó, cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo đều có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu; có nơi cư trú rõ ràng; xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống cộng đồng, mà cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương, với sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ răn đe, giáo dục - thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Xử lý vật chứng:

Bị cáo M đã đưa một phần số tiền thu được cho A Vĩnh nên chỉ buộc nộp lại số tiền thu lời bất chính bị cáo thu được là 520 NDT (tương đương 1.612.000đ).

Quá trình điều tra, Đinh Thị M tự nguyện nộp lại 1.612.000đ - là tiền thu lợi từ việc tổ chức xuất cảnh trái phép, nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

[6] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Đinh Thị M, Nguyễn Đình T phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”.

1- Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1, Điều 348; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Đinh Thị M 18 (mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 18 (mười tám) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 36 (ba mươi sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường H Y, thành phố M C, tỉnh Quảng Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo qui định Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2- Xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Tịch thu, sung Ngân sách Nhà nước tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 1.612.000đ (Một triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng), do bị cáo Đinh Thị M nộp.

(Vật chứng của vụ án được thể hiện tại Biên lai thu tiền số 0001251 ngày 15/5/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh).

3- Về án phí:

- Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Đinh Thị M, Nguyễn Đình T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4- Quyền kháng cáo:

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt các bị cáo, vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Báo để các bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Cơ quan Thi hành án dân sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Vương